

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2022
V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi
ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hiền; bà Đoàn Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2022 về “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc H, sinh năm 1990

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn Khắc H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2010 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh H, sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến cuối năm 2019 chị và 02 con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 3, xã Q sinh sống đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Khắc H.

Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Khắc V, sinh ngày 09/12/2011 và Nguyễn Khắc L, sinh ngày 18/11/2015, cả hai con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con từ 1.200.000đ đến 1.500.000đ/tháng/con. Hiện nay chị và 02 con đang ở nhà của bố mẹ đẻ (bố mẹ chị có 02 ngôi nhà), chị là lao động tự do (bán hoa quả tại chợ Q) thu nhập bình quân khoảng 6.500.000đ/tháng, bố mẹ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các con, chị có đủ điều kiện để nuôi con, đảm bảo quyền lợi cho các con. Còn anh H là lao động tự do (bán thuê hàng điện tử), thu nhập khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng.

Chị và anh H tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chúng tôi không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là anh Nguyễn Khắc H không trình bày lời khai, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*) Bà Vũ Thị H (là mẹ đẻ chị Trần Thị T) trình bày:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Khắc H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2019, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đến cuối năm 2019 chị T cùng 02 con về nhà bà sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó, trong thời gian này anh H không quan tâm, hỏi han gì đến vợ con. Bà thấy chị T và anh H không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống, nuôi dạy con cái.

Chị T và anh H có 02 con chung như chị T đã trình bày là đúng, hiện nay cả hai con đang ở cùng chị T và gia đình bà. Từ khi chị T và các con về nhà bà sinh sống thì gia đình bà đã tạo mọi điều kiện về chỗ ở (gia đình bà có 02 ngôi nhà, mẹ con chị T ở 01 ngôi nhà) và các điều kiện khác để chị T nuôi dạy và chăm sóc các con, các cháu có sức khỏe và học tập bình thường. Đề nghị Tòa án giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, bà và gia đình tiếp tục hỗ trợ chị T trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Chị T bán hoa quả tại chợ Q, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng nuôi con do chị T quyết định, anh H là lao động tự do, thu nhập thế nào bà không biết.

Tài sản chung của chị T và anh H bà không rõ, vợ chồng không có nợ cá nhân, tổ chức, đoàn thể nào.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh H cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Khắc H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H tại thôn C, quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H đi làm ở Hà Nội không quan tâm đến gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không có đơn đề nghị tổ chức, đoàn thể của địa phương hòa giải, từ năm 2019 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q sinh sống, vợ chồng ly thân mỗi người sống một nơi. Việc chị T và anh H đoàn tụ là khó đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T và anh H có 02 con chung như chị T đã trình bày là đúng, hai con đang ở cùng chị T. Việc nuôi con chung đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh và nguyện vọng của từng người, sự ổn định của các cháu, phù hợp quy định của pháp luật để giao cho người đó, đảm bảo quyền lợi cho cháu. Anh H là lao động tự do, thu nhập thế nào địa phương không rõ.

Về tài sản chung của chị T và anh H địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc H.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Khắc V, sinh ngày 09/12/2011 và Nguyễn Khắc L, sinh ngày 18/11/2015; buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con 1.200.000đ/tháng/con (hai con là 2.400.000đ/tháng). Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Khắc H không trình bày lời khai, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Nguyên đơn là chị Trần Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Khắc H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc H là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Nguyễn Khắc V, sinh ngày 09/12/2011 và Nguyễn Khắc L, sinh ngày 18/11/2015. Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.2000.000đ/tháng/con. Chị T đã chứng minh các điều kiện để nuôi con như chỗ ở, thu nhập, sự hỗ trợ của gia đình. Hội đồng xét xử thấy: Chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc các con, các con đang có cuộc sống và học tập ổn định. Do đó, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Khắc V và Nguyễn Khắc L là phù hợp quy định của pháp luật. Cần buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con 1.200.000đ/tháng/con (hai con là 2.400.000đ/tháng) kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh H chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Khắc V, sinh ngày 09/12/2011 và Nguyễn Khắc L, sinh ngày 18/11/2015; buộc anh Nguyễn Khắc H phải cấp dưỡng nuôi con 1.200.000đ/tháng/con (hai con là 2.400.000đ/tháng) kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Chị T và anh H có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí:

4.1. Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001648 ngày 19/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

4.2. Anh Nguyễn Khắc H phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã C, huyện K, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- UBND xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái